TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 / 3 / 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;

2. Bà Huỳnh Xuân Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng –Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về "*tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ H, ấp B, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Mai Văn B, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ B, khóm C, phường H, thành phố Đ, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Mai Văn B vắng mặt tại phiên tòa (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A trình bày: Bà A và ông B tự quen biết và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 5/2015 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ông B có nhiều lần

đánh đập bà A. Do đó, bà A trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Tình cảm không còn, bà A yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Mai Thúy V, sinh ngày 28/6/2014, bà A yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mai Văn B trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như bà A trình bày. Khoảng tháng 5/2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông B làm ăn thất bại dẫn đến nợ nần nên bà A bỏ nhà đi và vợ chồng đã không còn chung sống cho đến nay. Tình cảm không còn, ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A. Về con chung: Ông B yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông B nhưng ông B có yêu cầu vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông B chung sống với nhau như vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc là hôn nhân hợp pháp.

Bà A yêu cầu ly hôn với ông B và ông B cũng đồng ý theo yêu càu ly hôn của bà A. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà A và ông B.

*Về con chung:*Hiện ông B đã bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Bà A hiện đang nuôi dạy con chung và yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Mai Thúy V, sinh năm 2014, để đảm bảo lợi ích mọi mặt của con nên việc bà A yêu cầu

được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Mai Văn B. Đồng thời, ông B cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn như theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Đối với quan hệ hôn nhân, bà A, ông B chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc vào ngày 17/02/2014, giấy chứng nhận kết hôn số 32/2014 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà Nguyễn Thị Thúy A yêu cầu ly hôn với ông Mai Văn B và ông B có lời khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh từ tháng 5/2015 và đã không còn sống chung cho đến nay, thời gian xa cách để các bên có thể cảm nhận về giá trị của hôn nhân. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được nên có căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa bà A, ông B đã đến mức nghiêm trọng, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn. Do đó, xét công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà A và ông B.

[2] Về con chung, bà A có yêu cầu được nuôi con chung tên Mai Thúy V, sinh ngày 28/6/2014 nhưng ông B không chấp nhận.

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 13/11/2017, ông B cho rằng từ khi bà A bỏ nhà đi cho đến nay, ông B là người nuôi dạy cháu Vy và ông kinh doanh cầm đồ, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng nên có đủ khả năng để cháu phát triển tốt. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh Công an phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc ngày 02/3/2018 và biên bản ghi lời khai ngày 26/3/2018 xác định ông B đang bị tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Xét thấy, ông B đang trong thời gian chờ Cơ quan chức năng xử lý hình sự nên không thể trực tiếp chăm sóc cháu Vy. Hiện nay cháu Vy được bà A trực tiếp nuôi dạy. Đồng thời, cháu Vy là bé gái cần phải có sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ để cháu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Vy cho bà A tiếp tục nuôi dạy cho đến tuổi trưởng thành.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, theo quy định pháp luật, ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng để bà A nuôi dạy con chung nhưng bà A cho rằng có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà A về việc ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thúy A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Mai Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông B thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà A đã nộp. Ông B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Mai Văn B.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thúy A được nuôi dạy con chung tên Mai Thúy V, sinh ngày 28/6/2014 cho đến tuổi trưởng thành. Ông Mai Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Thúy A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Mai Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thúy A phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0014791 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà Nguyễn Thị Thúy A đã nộp đủ án phí.

Ông Mai Văn B không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy A và ông Mai Văn B là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiền